

**CÔNG ĐIỆN KHẨN**

**Về việc hoàn thành triển khai hóa đơn điện tử trên toàn quốc**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ điện:**

Cục trưởng Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Theo tiến độ triển khai hóa đơn điện tử trên toàn quốc đến 16h00' ngày 29/6/2022 đạt 99,9%, với 846.103 tổ chức, doanh nghiệp, chi nhánh và 65.143 hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai đã đăng ký và chuyển đổi sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Thông tư số 78/2021/TT-BTC. Số lượng hóa đơn điện tử đã được phát hành là 524.301.513 hóa đơn. Trong đó, có 33/63 Cục Thuế đã hoàn thành tiếp nhận và xử lý thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của các tổ chức, doanh nghiệp, chi nhánh và hộ kinh doanh thuộc đối tượng phải sử dụng hóa đơn điện tử (*bảng tiến độ kèm theo*). Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế biểu dương Cục Thuế các tỉnh, thành phố đã nỗ lực, cố gắng, quyết tâm hoàn thành triển khai hóa đơn điện tử.

Để đảm bảo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ triển khai hóa đơn điện tử trên toàn quốc, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế yêu cầu:

1. Cục Thuế các tỉnh, thành phố tập trung mọi nguồn lực, quyết tâm phấn đấu đảm bảo đến hết ngày 30/6/2022 phải hoàn thành 100% số lượng tổ chức, doanh nghiệp, chi nhánh và hộ kinh doanh thuộc đối tượng phải sử dụng hóa đơn điện tử trên địa bàn.

2. Tiếp tục rà soát các trường hợp còn vướng mắc trong triển khai hóa đơn điện tử để kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ, đảm bảo thực hiện việc đăng ký hóa đơn điện tử chậm nhất trong ngày 30/6/2022 để sử dụng hóa đơn điện tử từ ngày 01/7/2022 theo đúng quy định của Pháp luật.

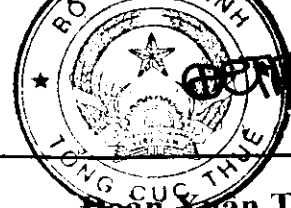
3. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ, nắm bắt ngay các vướng mắc để hỗ trợ kịp thời các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế yêu cầu Cục trưởng Cục thuế các tỉnh, thành phố khẩn trương thực hiện nội dung tại Công điện này. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Tổng cục Thuế (*để báo cáo*);
- Cục CNTT, Cục Thuế DNL, Vụ DNNCN.
- Trung tâm HĐĐT TCT (*để phối hợp*);
- Lưu: VT, VP (3b).

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
CHẠNH VĂN PHÒNG



Đoàn Xuân Toàn

ĐẾN TRƯỚC:  
HOÀ TỘC



**TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI HDDT CẢ NƯỚC**  
**Đến 16h00' ngày 29/6/2022**

STT	Đơn vị	Số lượng NNT Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đang sử dụng hóa đơn điện tử			Số lượng hóa đơn Cơ quan thuế đã tiếp nhận xử lý (Số lũy kế)	Số lượng Hộ Kinh doanh theo phương pháp kê khai (Số Lũy kế)
		Số lượng NNT đã đăng ký sử dụng HDDT (Số Lũy kế)	Tỷ lệ % hoàn thành	Tổng số		
	<b>Tổng số</b>	<b>846.103</b>	<b>99,9%</b>	<b>846.659</b>	<b>524.301.513</b>	<b>65.143</b>
1	Đà Nẵng	22.123	100%	22.123	5.603.399	1096
2	Bắc Giang	7.557	100%	7.557	1.287.037	968
3	Bắc Kạn	978	100%	978	154.294	342
4	Bình Phước	6.480	100%	6.480	1.187.145	220
5	Bình Thuận	5.314	100%	5.314	1.591.971	337
6	Đắk Lắk	8.016	100%	8.016	2.678.769	674
7	Đắk Nông	2.548	100%	2.548	644.251	626
8	Gia Lai	5.254	100%	5.254	1.106.110	803
9	Hà Giang	1.524	100%	1.524	217.862	315
10	Hậu Giang	2.684	100%	2.684	880.232	333
11	Lai Châu	1.496	100%	1.496	118.623	297
12	Lâm Đồng	8.110	100%	8.110	2.733.381	1084
13	Lạng Sơn	2.817	100%	2.817	537.331	604
14	Phú Yên	3.307	100%	3.307	723.572	614
15	Quảng Ngãi	5.439	100%	5.439	1.228.206	1285
16	Sóc Trăng	2.948	100%	2.948	907.533	335
17	Tây Ninh	4.446	100%	4.446	1.569.554	464
18	Thanh Hóa	14.707	100%	14.707	3.275.355	1090
19	Thừa Thiên Huế	5.197	100%	5.197	2.012.515	405
20	Trà Vinh	2.928	100%	2.928	1.031.401	329
21	Tuyên Quang	2.212	100%	2.212	563.013	505
22	Vĩnh Phúc	7.790	100%	7.790	1.634.169	888
23	Nghệ An	11.911	100%	11.913	3.310.077	757
24	Bến Tre	3.795	100%	3.796	1.240.198	501
25	Hòa Bình	3.633	100%	3.634	697.798	562
26	Bạc Liêu	2.499	100%	2.500	834.031	379
27	Đồng Tháp	4.571	100%	4.573	1.944.586	1049
28	Bà Rịa Vũng Tàu	11.470	99,9%	11.478	2.796.327	1496
29	Hưng Yên	7.686	99,9%	7.693	1.241.707	1275
30	Kiên Giang	7.908	99,9%	7.916	2.532.888	1017
31	Thái Nguyên	5.727	99,9%	5.734	2.103.991	1328
32	Cao Bằng	1.453	99,9%	1.455	239.654	429
33	Ninh Bình	4.991	99,9%	4.998	1.209.183	521



STT	Đơn vị	Số lượng NNT Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đang sử dụng hóa đơn điện tử			Số lượng hóa đơn Cơ quan thuế đã tiếp nhận xử lý (Số lũy kế)	Số lượng Hộ Kinh doanh theo phương pháp kê khai (Số Lũy kế)
		Số lượng NNT đã đăng ký sử dụng HĐĐT (Số Lũy kế)	Tỷ lệ % hoàn thành	Tổng số		
34	Hà Tĩnh	4.758	99,9%	4.765	677.490	437
35	Quảng Trị	3.282	99,8%	3.287	488.397	438
36	Ninh Thuận	3.059	99,8%	3.064	799.913	649
37	Điện Biên	1.206	99,8%	1.208	203.104	285
38	Bình Dương	32.427	99,8%	32.484	9.999.805	603
39	Quảng Nam	7.899	99,8%	7.915	1.240.229	1617
40	Yên Bái	2.403	99,8%	2.408	592.227	807
41	Tiền Giang	6.024	99,8%	6.037	1.945.812	928
42	Lào Cai	3.147	99,8%	3.154	877.744	611
43	Kon Tum	2.211	99,8%	2.216	421.428	361
44	Quảng Bình	5.000	99,8%	5.012	1.024.017	724
45	Bắc Ninh	13.318	99,8%	13.350	2.274.202	1089
46	Thái Bình	6.098	99,8%	6.113	1.646.695	381
47	Cà Mau	4.243	99,7%	4.254	1.174.214	771
48	Hải Dương	10.264	99,7%	10.291	2.282.026	997
49	Đồng Nai	23.852	99,7%	23.921	8.833.695	2340
50	Nam Định	6.929	99,7%	6.950	2.239.353	437
51	Khánh Hòa	10.257	99,7%	10.289	2.771.648	917
52	Hà Nam	5.205	99,7%	5.223	990.210	481
53	Cần Thơ	9.917	99,6%	9.953	5.119.479	1022
54	Long An	11.820	99,6%	11.867	3.217.973	1137
55	Vĩnh Long	3.418	99,5%	3.434	1.091.447	834
56	An Giang	5.410	99,5%	5.436	3.349.579	1108
57	Sơn La	2.781	99,1%	2.807	500.911	400
58	Cục QLT DNL	128	100%	128	159.536.453	
59	Hồ Chí Minh	243.144	100%	243.144	143.889.302	7208
60	Hà Nội	183.176	100%	183.176	82.330.314	9983
61	Hải Phòng	19.700	100%	19.700	16.079.295	1009
62	Quảng Ninh	10.648	100%	10.648	8.974.768	2213
63	Bình định	8.341	100%	8.341	5.434.017	1182
64	Phú Thọ	6.519	100%	6.519	4.459.603	1248